

Số: /TTr-BXD

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2024

DỰ THẢO
Tháng 9/2024

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Cấp, Thoát nước

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật Bộ Xây dựng kính trình Chính phủ dự thảo, dự án Luật Cấp, Thoát nước như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải thuộc một trong bốn mục tiêu phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 (Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới, đặt ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp tập trung nguồn lực xây dựng, nâng cấp các hệ thống cấp, thoát nước, bảo đảm người dân được tiếp cận sử dụng nước sạch.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, với mục tiêu tổng quát: Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhằm phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống nhân dân.

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII ngày 01/02/2021 của Đảng Cộng sản Việt Nam; trong đó, định hướng các chỉ tiêu đến năm 2025, tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95 - 100%, nông thôn là 93 - 95%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; các đột phá chiến lược như: thứ nhất, tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế; thứ hai, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội.

- Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, giao Bộ Xây dựng nghiên cứu xây dựng Dự án Luật điều chỉnh về cấp, thoát nước, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình năm 2024-2025.

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, có mục tiêu “Thế chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững cơ bản được hoàn thiện. Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại”.

- Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, hồ chứa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tại Mục II, khoản 2, điểm 2.6 về Phòng, chống, giảm thiểu tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước và biến đổi khí hậu, đã nêu rõ cần xác định các giải pháp đảm bảo “an ninh nguồn nước... hệ thống chống ngập đô thị”.

- Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội khóa XV về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trong đó đã xác định dự án Luật Cấp, Thoát nước.

- Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, trong đó giao Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo dự án Luật Cấp, Thoát nước, trình Chính phủ vào tháng 01/2025 và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội vào tháng 3/2025.

Bên cạnh đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành các quyết định có tính định hướng quan trọng về phát triển cấp nước, thoát nước.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Pháp luật hiện hành về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Hiện nay, điều chỉnh hoạt động cấp nước sạch, thoát nước (***bao gồm thoát nước mưa, thoát nước thải và xử lý nước thải***) chưa được quy định trong các văn bản Luật hiện hành; chỉ được quy định bằng văn bản dưới Luật là các Nghị định (quy định trực tiếp) bao gồm: Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 (thay thế Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007) về thoát nước và xử lý nước thải. Ngoài ra, một số nội dung có liên quan về hỗ trợ đầu tư, huy động nguồn lực đầu tư, quản lý dự án, tài sản, phí trong các Nghị định hướng dẫn các Luật hiện hành như: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018, Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019, Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày

05/5/2020,... Các Nghị định nêu trên quy định về các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh, hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp); quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải trên lãnh thổ Việt Nam.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao liên quan đến quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải: Bộ Xây dựng chủ trì ban hành 03 Thông tư¹ về cấp nước, 03 Thông tư² về thoát nước, xử lý nước thải, một số Thông tư ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, thiết kế công trình cấp, thoát nước, xử lý nước thải; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành 01 Thông tư³ về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn; Bộ Tài chính chủ trì trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và Thông tư⁴ quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt; Bộ Y tế ban hành Thông tư⁵ về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì trình Chính phủ ban hành một số Nghị định hướng dẫn Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường và ban hành Thông tư liên quan đến quản lý, bảo vệ, khai thác tài nguyên nước, kiểm soát ô nhiễm môi trường do nước thải, sử dụng đất cho công trình cấp, thoát nước. Bộ Tài chính chủ trì trình Chính phủ ban hành một số Nghị định hướng dẫn Luật Giá, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công liên quan đến lĩnh vực cấp, thoát nước.

Trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về cấp, thoát nước, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các định hướng, chiến lược, chương trình, kế hoạch và các văn bản chỉ đạo về đầu tư phát triển cấp, thoát nước đô thị, nông thôn đáp ứng

¹ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn; Thông tư liên tịch số 04/2009/TTLT/BXD-BCA ngày 10/4/2009 của Bộ Xây dựng và Bộ Công an hướng dẫn thực hiện cấp nước phòng cháy chữa cháy tại đô thị và khu công nghiệp.

² Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước; Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

³ Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

⁴ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt.

⁵ Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt và Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT.

nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và phát triển kinh tế - xã hội.

Về phía địa phương, nhằm cụ thể hóa các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, đã ban hành các quy định về quản lý phát triển cấp, thoát nước và xử lý nước thải phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

2.2. Những kết quả đạt được trong việc thực thi pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

2.2.1. Về quy hoạch, định hướng, chiến lược, chương trình cấp, thoát nước

- Về công tác quy hoạch: Thủ tướng Chính phủ, chính quyền địa phương đã phê duyệt quy hoạch chuyên ngành cấp, thoát nước cho 05 thành phố trực thuộc Trung ương; 04 quy hoạch cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải 03 vùng kinh tế trọng điểm và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, 25 đề án quy hoạch chuyên ngành cấp nước đô thị và vùng nông thôn lân cận⁶; 61 đề án quy hoạch cấp nước nông thôn; và 18 đề án quy hoạch chuyên ngành thoát nước đô thị.

- Về định hướng, chiến lược, chương trình: Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp, Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam, Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn theo các giai đoạn; Chương trình 134, Chương trình 135, Chương trình xóa đói giảm nghèo, Chương trình 30a nhằm tập trung các nguồn lực đầu tư, phát triển cấp, thoát nước; Các chương trình, đề án, chỉ thị: Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch, Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn; Đề án An ninh kinh tế trong lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn; Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn liên tục, Chỉ thị về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, ... Ngoài ra, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực nhà nước⁷ đầu tư cho phát triển cấp nước nông thôn.

2.2.2. Về phát triển cấp, thoát nước

a) Về cấp nước:

Đối với khu vực đô thị trên cả nước có khoảng hơn 250 doanh nghiệp cấp nước, đang vận hành trên 1.000 nhà máy nước và mạng đường ống cấp nước bao phủ khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn lân cận; tổng công suất các nhà máy cấp

⁶ Thành phố Hà Nội được phê duyệt quy hoạch cấp nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21/3/2021; phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 554/QĐ-TTg ngày 06/4/2021; Thành phố Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch cấp nước đến năm 2025 tại Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19/06/2012.

⁷ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ quyết định một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

nước khoảng 13,2 triệu m³/ngđ, tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch 94%; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch 16,3%. Đối với khu vực nông thôn có khoảng 18.000 công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, 10 triệu công trình cấp nước quy mô hộ gia đình (sử dụng giếng khoan, giếng đào, bể trữ nước mưa, công trình lắng, lọc sơ bộ); tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 92,5%, trong đó gần 54% sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế, khoảng 44% dân số nông thôn (hơn 28,5 triệu người) được cấp nước từ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, 56% dân số nông thôn còn lại (36,3 triệu người) sử dụng nước cho sinh hoạt từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.

b) Về thoát nước và xử lý nước thải:

Hệ thống thoát nước các khu dân cư thuộc các đô thị lớn, các lưu vực sông chủ yếu là hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt cùng với nước mưa được xả trực tiếp ra các cống, kênh, rạch vào các sông chính của lưu vực. Tỷ lệ thu gom nước thải của phạm vi phục vụ hệ thống thoát nước đô thị toàn quốc đạt khoảng 64%; có khoảng 70% hộ gia đình đã đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị nhưng hầu hết lượng nước thải được xả thẳng ra hệ thống tiêu thoát nước mặt. Bình quân lượng nước thải sinh hoạt được xử lý chỉ đạt 16% trên tổng lượng nước thải cần được thu gom xử lý. Đến tháng 6/2024, toàn quốc có 82 nhà máy xử lý nước thải đô thị đang vận hành ở hơn 50 đô thị, với tổng công suất thiết kế khoảng 1,466 triệu m³/ngày, công suất thực tế khoảng 767.000 m³/ngày.

Đối với khu vực nông thôn, thoát nước và xử lý nước thải hầu như chưa có công trình xử lý nước thải tập trung; riêng một số khu vực làng nghề, nước thải sản xuất được thu gom, xử lý sơ bộ; còn lại hầu hết nước thải sinh hoạt nông thôn xả trực tiếp ra môi trường.

2.2.3. Về quản lý vận hành, bảo đảm an toàn dịch vụ cấp, thoát nước

a) Về cấp nước:

Sau năm 2010, các địa phương thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp cấp nước, đến nay khoảng hơn 90% các doanh nghiệp cấp nước đô thị đã chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần (hiện nay chỉ còn khoảng 10 doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV). Bên cạnh việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp cổ phần hóa⁸, việc huy động tư nhân tham gia đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước đô thị và nông thôn đã được triển khai mạnh tại 63

⁸ Thực hiện chủ trương thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020. Tính đến tháng 5/2020, trong số 58 doanh nghiệp nêu trên, có 02 doanh nghiệp hoàn thành chuyển giao về SCIC, 17 doanh nghiệp hoàn thành thoái vốn theo tỷ lệ, 09 doanh nghiệp thoái một phần vốn theo kế hoạch. Tỷ lệ hoàn thành thoái vốn theo kế hoạch là 29%. Đến nay, trên toàn quốc có 47 tỉnh thành phố với 54 doanh nghiệp cấp nước có vốn Nhà nước đang duy trì góp vốn; trong đó, Nhà nước nắm giữ trên 51% tại 40 doanh nghiệp, trên 36% tại 14 doanh nghiệp.

tỉnh, thành phố trên cả nước⁹. Đối với khu vực nông thôn, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý vận hành khoảng 1.700 công trình (9,5%); doanh nghiệp, tư nhân quản lý vận hành khoảng 2.900 công trình (16%); UBND xã, HTX và cộng đồng quản lý vận hành khoảng 13.500 công trình (74,5%) chủ yếu là các công trình quy mô nhỏ và rất nhỏ, công nghệ đơn giản.

Trên toàn quốc có khoảng 43/63 địa phương phê duyệt kế hoạch và lộ trình thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn giai đoạn 2016-2025; các đơn vị cấp nước đã lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt khoảng 48% hệ thống cấp nước đô thị; nhiều công trình cấp nước nông thôn đang lập và triển khai kế hoạch cấp nước an toàn theo Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT.

b) Về thoát nước và xử lý nước thải:

Mô hình tổ chức quản lý vận hành hệ thống thoát nước đa dạng tại các địa phương hoạt động mang tính chất đa ngành nghề, bao gồm cả cấp nước, môi trường, dịch vụ công ích và xã hội. Đến nay, trong số 71 doanh nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, 55% đã được chuyển đổi thành công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ 50% vốn¹⁰. Hầu hết các công ty đều hoạt động theo cơ chế “chính quyền địa phương đặt hàng” và được ngân sách của địa phương thanh toán trực tiếp. Đáp ứng yêu cầu quản lý vận hành công trình thoát nước, có khoảng 51 địa phương ban hành Quyết định quản lý hoạt động thoát nước.

2.2.4. Giá nước sạch và giá dịch vụ thoát nước

Đối với cấp nước, hầu hết Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương đã điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch đô thị tiếp cận nguyên tắc tính đúng, tính đủ, phù hợp với biến động của chi phí sản xuất - kinh doanh, bảo đảm hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và người dân. Khu vực đô thị, giá nước bình quân tại các địa phương khoảng từ 7.000 đ/m³ đến 9.000 đ/m³; khu vực nông thôn, giá nước bình quân khoảng 3.000 đ/m³ - 9.000 đ/m³, nhiều khu vực giá nước thấp chưa đảm bảo duy trì vận hành công trình.

Đối với thoát nước, đã có khoảng 24/63 địa phương đã ban hành giá dịch vụ thoát nước tại các đô thị hoặc lộ trình giá dịch vụ thoát nước khoảng từ 1.000 đến 5.600 đ/m³. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn áp dụng phí bảo vệ môi trường đối

⁹ Từ năm 2010, các tỉnh thành phố đã huy động được khoảng 140 doanh nghiệp tư nhân đầu tư công trình cấp nước, đến nay đạt khoảng 250 doanh nghiệp cấp nước đô thị đang khai thác vận hành trên 1.000 nhà máy nước quy mô từ 3.000 m³/ngày - 300.000 m³/ngày, cung cấp nước cho khu vực đô thị và nông thôn liên kề; ngoài ra hàng trăm doanh nghiệp tư nhân tham gia đầu tư vào công trình cấp nước nông thôn với quy mô công suất từ 500 m³/ngày - 30.000 m³/ngày.

¹⁰ Về cổ phần hóa DNNN quản lý thoát nước: Về tổ chức các DNNN, quá trình cải cách DNNN trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải bắt đầu từ năm 2007 khi Quyết định số 38/2007/QĐ-TTg ngày 16/3/2007 được ban hành, theo đó loại bỏ quy định bắt buộc Nhà nước nắm giữ 100% vốn trong các DNNN hoạt động trong lĩnh vực thoát nước đô thị. Kể từ năm 2007-2021, Nhà nước chỉ sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ đối với các DNNN thuộc lĩnh vực thoát nước. Gần đây nhất, vào năm 2021, tỷ lệ sở hữu vốn Nhà nước tại các DNNN được quy định trong khoảng từ 50% đến dưới 65%.

với nước thải theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020.

2.2.5. Chuyển đổi số, quản lý nước thông minh, khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực cấp, thoát nước

Các hệ thống cấp, thoát nước tại các đô thị hiện đang áp dụng công nghệ thông tin và các giải pháp tiên tiến trong quản lý vận hành, ở các mức độ khác nhau. Việc quản lý hệ thống cấp, thoát nước quy mô vừa và lớn đã ứng dụng tích hợp các công nghệ bản đồ số GIS, hệ thống điều khiển giám sát từ xa (SCADA), công nghệ di động, công nghệ điện toán đám mây, tích hợp thành hệ thống toàn diện quản lý cho các doanh nghiệp như: Thiết lập bản đồ số mạng lưới, quản lý tài sản, giám sát vận hành và bảo trì mạng, quản lý và chăm sóc khách hàng, ghi chỉ số và kiểm tra đồng hồ nước, quản lý đồng hồ nước, kiểm soát chất lượng nước, hỗ trợ phòng, chống thất thoát nước,... Bên cạnh đó, các đơn vị cấp, thoát nước còn áp dụng các giải pháp dịch vụ gia tăng như tổng đài chăm sóc khách hàng VoIP 1900, SMS, hóa đơn điện tử và thanh toán điện tử được tích hợp vào hệ thống quản lý khách hàng.

2.2.6. Quản lý nhà nước về hoạt động cấp, thoát nước

Chính phủ giao Bộ Xây dựng quản lý hoạt động cấp nước tại các đô thị và khu công nghiệp; thoát nước và xử lý nước thải tại đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý hoạt động cấp nước tại các khu vực nông thôn; Bộ Y tế kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch; Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý tài nguyên nước, bảo vệ môi trường; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý nhà nước và tổ chức, phát triển dịch vụ cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn do mình quản lý.

2.3. Tồn tại và hạn chế trong quá trình thực thi pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Quá trình tổ chức triển khai thực hiện các quy định pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đã phát sinh những tồn tại, hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện:

- Pháp luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực cấp, thoát nước chưa tương xứng với vai trò, tầm quan trọng của dịch vụ cung cấp nước sạch và thoát nước, xử lý nước thải

Việc cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, thoát nước chống ngập liên quan trực tiếp đến sức khỏe, môi trường sống của con người và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Pháp luật quản lý lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải hiện chưa có luật chuyên ngành, đang thực hiện theo các Nghị định được ban hành từ 10-15 năm trước đây, nhiều nội dung trong Nghị định đã ban hành đến nay chưa đáp ứng với nhu cầu phát triển ngành cấp, thoát nước và đang bị chi phối bởi nhiều Luật có liên quan khác; đã và đang tác động trực tiếp đến quá trình đầu tư, vận hành; hạn chế việc nâng cao chất lượng dịch vụ và kiểm soát rủi ro.

- Quy hoạch cấp, thoát nước chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, chất lượng dự báo còn hạn chế gây khó khăn cho việc định hướng, đầu tư xây dựng phát triển hệ

thông cấp, thoát nước

Theo Luật Quy hoạch 2017, quy định nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng thiếu hoặc không đầy đủ; nội dung quy hoạch cấp, thoát nước (nếu có) chỉ mang tính định hướng, không đủ các nội dung để làm cơ sở cho các quy hoạch cấp dưới triển khai và khó khăn cho việc lập, triển khai các dự án đầu tư. Trong thời gian tới sẽ gặp khó khăn khi đầu tư các dự án cấp nước, thoát nước mang tính vùng.

Trong thời gian qua, từ việc phân giao quản lý, nội dung quy hoạch cấp nước thiếu tính gắn kết khu vực đô thị, nông thôn, thiếu tính vùng; chủ yếu tập trung huy động nguồn lực tư nhân đầu tư lắp kín khu vực cấp nước còn thiếu. Dẫn đến phát triển cấp nước manh mún, nhỏ lẻ thiếu bền vững, hạn chế hỗ trợ phát triển cấp nước nông thôn.

Trong điều kiện biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, cần thiết đầu tư công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh, dẫn nguồn nước từ xa, có chi phí đầu tư lớn, hiệu quả đầu tư thấp. Hiện nay chưa có cơ chế chính sách hướng dẫn về hỗ trợ đầu tư, quản lý vận hành và sự tham gia của các Bộ ngành, địa phương.

- Hoạt động đầu tư phát triển cấp, thoát nước chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, đặc biệt là cấp nước, thu gom, xử lý nước thải vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo

Đầu tư, quản lý phát triển cấp nước đô thị cơ bản đáp ứng yêu cầu; đầu tư, quản lý phát triển cấp nước nông thôn (địa bàn rộng, đầu tư dàn trải, dân cư phân tán, ...) có suất đầu tư cấp nước rất cao, quy mô nhỏ lẻ, nguồn nước thường không bền vững (cạn kiệt hay ô nhiễm), giá nước thấp không đủ chi phí tái đầu tư và vận hành bảo trì công trình.

Nguồn vốn đầu tư cho thoát nước và xử lý nước thải chủ yếu từ nguồn ODA, chưa tương xứng với nhu cầu thực tế do vốn đầu tư rất lớn. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thấp chưa tạo động lực cho huy động tư nhân đầu tư. Đầu tư không đồng bộ giữa mạng lưới thoát nước và nhà máy xử lý nước thải nên không khai thác hết công suất thiết kế nhà máy xử lý nước thải, giảm hiệu quả đầu tư công trình¹¹. Nhiều hệ thống thoát nước mặt (nước mưa) tại các đô thị bị vượt tải, khả năng thoát nước không theo kịp thực tiễn của tác động biến đổi khí hậu và hiện tượng thời tiết cực đoan.

Khi triển khai các dự án giao thông đường bộ, công tác thi công nhiều tuyến đường đã ảnh hưởng đến bảo đảm cấp nước an toàn và trách nhiệm di dời, đền bù đường ống cấp, thoát nước. Hạ tầng giao thông và các tuyến ống cấp, thoát nước thi công không đồng bộ gây nên tình trạng đào lên lấp xuống, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, giảm chất lượng hạ tầng giao thông.

- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

¹¹ Trung bình thực tế mới đạt khoảng 50% công suất thiết kế do mạng lưới thu gom, đấu nối thoát nước thải chưa được thực hiện, nguồn ngân sách hạn hẹp, trong khi việc thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách khó khăn, dẫn đến việc triển khai đầu nối còn nhiều hạn chế.

chưa đầy đủ, khó khăn trong việc đánh giá tình hình, lập quy hoạch, định hướng, đầu tư và quản lý nhà nước

Việc tổng hợp cơ sở dữ liệu và thông tin về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải dựa theo chế độ báo cáo. Việc theo dõi, quản lý cập nhật cơ sở dữ liệu không thường xuyên, thiếu đồng bộ và chưa ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin từ trung ương tới địa phương.

- Công trình cấp, thoát nước thiếu bền vững, hiệu quả, chất lượng dịch vụ, công tác quản lý vận hành còn nhiều hạn chế

Về cấp nước: Mô hình tổ chức đơn vị cấp nước khu vực đô thị gồm Công ty cổ phần, TNHH MTV có năng lực và quản lý hiệu quả; trong khi khu vực nông thôn, mô hình quản lý cấp nước đa dạng bao gồm: Ủy ban nhân dân xã, hợp tác xã, thôn, bản, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty cổ phần hoặc tư nhân; năng lực vận hành công trình cấp nước nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu, giá nước thấp không đủ chi phí đầu tư cải tạo, bảo trì công trình.

Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT thống nhất về chất lượng nước sạch sử dụng cho sinh hoạt không phân biệt đô thị hay nông thôn. Tuy nhiên, đa số các công trình cấp nước nông thôn và công trình cấp nước cục bộ khu vực đô thị không bảo đảm chất lượng nước sạch; trách nhiệm thực hiện cấp nước an toàn còn hạn chế; trong thời gian qua một số khu đô thị, khu dân cư bị ô nhiễm nguồn nước, mất nước, ảnh hưởng đến sức khỏe, đảo lộn cuộc sống của nhân dân (như Khu đô thị Nam Đô, Tân Tây Đô, Thanh Hà); đơn vị cấp nước nông thôn được tự lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn sẽ không thúc đẩy nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, thiếu vai trò kiểm soát của nhà nước.

Về thoát nước: Mô hình tổ chức quản lý vận hành thoát nước tại các địa phương rất khác nhau tùy theo nhu cầu thực tế, theo cơ chế đặt hàng, đấu thầu phụ thuộc vào nguồn ngân sách phân bổ hàng năm của tỉnh/thành phố. Có tỉnh thành lập đơn vị thoát nước riêng, có tỉnh lồng ghép với doanh nghiệp về môi trường, phát triển đô thị. Đơn vị thoát nước hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, TNHH MTV, HTX dẫn đến quyền chủ động trong hoạt động quản lý vận hành và phát triển hệ thống thoát nước còn nhiều hạn chế¹². Hiện nay chưa có quy định kiểm soát năng lực quản lý vận hành của đơn vị thoát nước, tăng nguy cơ tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường. Nhiều đô thị đã đầu tư nhà máy xử lý nước thải nhưng vận hành không đạt công suất thiết kế do chưa đầu tư đồng bộ, người dân chưa đấu nối với hệ thống thoát nước.

Tình trạng ngập úng do mưa lũ ngày càng nặng nề do tác động biến đổi khí hậu cực đoan, tốc độ phát triển đô thị nhanh làm giảm bề mặt thấm và tình trạng san lấp ao, hồ, kênh rạch.

¹² Hiện nay có khoảng 10 doanh nghiệp chuyên làm nhiệm vụ thoát nước, tập trung tại một số đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng, ... Khoảng 20 doanh nghiệp có chức năng hoạt động trong cả lĩnh vực thoát nước và cấp nước, còn lại các doanh nghiệp khác hoạt động mang tính chất đa ngành nghề, bao gồm cả môi trường và xã hội.

- Việc ban hành giá nước sạch gặp nhiều khó khăn; giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải còn thấp, hạn chế huy động nguồn lực đầu tư

Luật Giá năm 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá bỏ quy định hướng dẫn phương pháp định giá nước sạch và tuân thủ Thông tư số 45/TT-BTC ngày 01/7/2024 về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trong khi đó, nước sạch có tính đặc thù như: Chi phí cấp nước an toàn, chi phí duy trì đầu nối, chi phí cấp quyền khai thác, chi phí kiểm nghiệm chất lượng, tỷ lệ thất thoát hợp lý, đặc thù về sản xuất kinh doanh nước sạch khu vực đô thị và nông thôn, điều hòa giá nước theo mục đích sử dụng, hỗ trợ giá nước sinh hoạt nông thôn,... Việc áp dụng Thông tư số 45/TT-BTC thay thế cho Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 gây khó khăn cho việc định giá nước sạch.

Trên địa bàn mỗi tỉnh sẽ có nhiều giá nước sạch theo các vùng phục vụ cấp nước, việc kiểm soát và ban hành giá bán nước gây khó khăn cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, đặc biệt khi giá nước sạch không thống nhất ở khu vực dân cư. Đối với khu vực nông thôn, giá nước sạch quá thấp không đảm bảo đủ chi phí tái đầu tư, thậm chí cả chi phí vận hành, bảo trì công trình.

Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải chỉ đáp ứng một phần chi phí quản lý, vận hành (chưa kể chi phí thu hồi vốn đầu tư); nhiều địa phương vẫn thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải chưa đảm bảo tiếp cận nguyên tắc người gây ô nhiễm có trách nhiệm trả tiền. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thấp gây khó khăn trong việc huy động nguồn lực tư nhân đầu tư, quản lý vận hành công trình hệ thống thoát nước.

- Quản lý nhà nước về cấp, thoát nước còn chồng chéo, chưa thống nhất

Quản lý cấp nước chưa đồng bộ, thống nhất (ở Trung ương giao nhiều Bộ, ở địa phương giao nhiều Sở và phân cấp đến UBND cấp huyện, xã), bị cắt khúc theo địa bàn; cấp nước khu vực đô thị và khu vực nông thôn khác nhau từ công tác quy hoạch, quản lý đầu tư, chất lượng xây dựng công trình đến quản lý chất lượng dịch vụ.

Công tác đầu tư phát triển cấp, thoát nước thiếu sự quan tâm, điều tiết của nhà nước dẫn đến tỷ lệ bao phủ dịch vụ và chất lượng dịch vụ cấp, thoát nước giữa khu vực đô thị và khu vực nông thôn chênh lệch rất lớn. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay đang thiếu quy định pháp lý cao nhất về quản lý hoạt động cấp, thoát nước, thiếu ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cấp nước an toàn, quản lý thoát nước an toàn và bền vững, có nguy cơ mất kiểm soát, mất an ninh, an toàn cấp, thoát nước.

Cùng với phát triển kinh tế - xã hội, mức sống của người dân ngày càng nâng cao, nhu cầu sử dụng nước sạch phải đầy đủ về số lượng, chất lượng bảo đảm, bên cạnh việc quản lý chống ngập, thu gom và xử lý nước thải triệt để. Do vậy, việc xây dựng Luật Cấp, Thoát nước là hết sức quan trọng, cần thiết nhằm kịp thời thể chế hóa định hướng lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, ổn định, kiểm soát ô nhiễm từ nước thải và chống ngập; làm công cụ

pháp lý, quản lý nhà nước có hiệu lực, hiệu quả cao, đồng bộ, thống nhất, nhằm điều chỉnh toàn diện các hoạt động cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải. Luật Cấp, Thoát nước sẽ là công cụ quan trọng nhằm tăng cường nguồn lực ngân sách và xã hội giúp chính quyền các địa phương quản lý, xây dựng, phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước hiệu quả, bền vững phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người, bảo vệ sức khỏe người dân, góp phần phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.

- Một số quy định đặc thù của lĩnh vực cấp, thoát nước chưa thống nhất, hoặc chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn cần được rà soát bổ sung, điều chỉnh:

Quy định về quản lý, thu gom, tái sử dụng nước mưa, tái sử dụng nước thải, bùn thải, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng, tận dụng thu hồi tài nguyên từ hệ thống cấp, thoát nước.

Quy định về cấp, thoát nước an toàn, ứng phó sự cố, công trình đặc biệt quan trọng, thoát nước chống ngập, công trình cấp thiết trong trường hợp khẩn cấp trước bối cảnh thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu gia tăng.

3. Kết quả rà soát các Luật liên quan đến Dự thảo Luật Cấp, Thoát nước

- Các Luật hiện hành chưa quy định cụ thể các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch, thoát nước mưa, nước thải, xử lý nước thải, chống ngập đô thị, khu dân cư và quản lý dịch vụ cấp, thoát nước. Dự thảo Luật Cấp, Thoát nước cơ bản thống nhất, đồng bộ với các văn bản Luật có liên quan đến hoạt động cấp, thoát nước như:

(i) Liên quan đến quy hoạch, xây dựng: Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Quy hoạch năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật Giao thông đường bộ 2008.

(ii) Liên quan đến quản lý nguồn lực đầu tư, quản lý dịch vụ cấp, thoát nước bao gồm: Luật Đầu tư năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2023; Luật Giá năm 2023; Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2023; Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

(iii) Liên quan đến sử dụng tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm môi trường bao gồm: Luật Tài nguyên nước 2023; Luật Thủy lợi năm 2017; Luật Đất đai năm 2023; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

(iv) Nhiều Luật khác liên quan đến cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải như: Luật Doanh nghiệp, Đất đai, Chứng khoán, Xử lý vi phạm hành chính; Phòng chống thiên tai,...

- Kết quả rà soát 03 Luật liên quan trực tiếp đến chu trình khai thác, sử dụng và xả nước ra môi trường: Dự thảo Luật Cấp, Thoát nước phù hợp với chu trình sử dụng nước và thống nhất, đồng bộ với Luật Tài nguyên nước, Thủy lợi và Bảo vệ

môi trường (liên quan đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường) bao gồm:

(i) Sản xuất, cung cấp nước sạch cho nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội; kết nối việc khai thác tài nguyên nước đã quy định trong Luật Tài nguyên nước và Luật Bảo vệ môi trường; đồng thời bảo đảm chất lượng nước sạch cho mục đích sinh hoạt phù hợp với quy định kiểm soát của Luật An toàn thực phẩm;

(ii) Thoát nước mưa chống ngập trong khu vực đô thị, khu dân cư tập trung bảo đảm kết nối với hệ thống tiêu thoát nước bên ngoài thống nhất với Luật Thủy lợi;

(iii) Thu gom, xử lý nước thải và quản lý dịch vụ thoát nước bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường đạt quy định kiểm soát của Luật Bảo vệ môi trường.

Trong bối cảnh hệ thống pháp luật hiện hành đã có quy định liên quan điều chỉnh hoạt động cấp, thoát nước, dự thảo Luật Cấp, Thoát nước không thay thế các Luật hiện hành mà sẽ bổ khuyết vào những khoảng trống pháp luật, bổ sung những quy định phù hợp với tính đặc thù của ngành, lĩnh vực, tạo hành lang pháp lý cho phát triển lĩnh vực cấp, thoát nước.

4. Kinh nghiệm quốc tế

Hiện nay, hầu hết các nước phát triển (Hoa Kỳ, Đức, Anh, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc...) và đang phát triển (Malaysia, Indonesia, Lào, Campuchia...) trên thế giới đều có Luật Cấp nước, Luật Thoát nước hoặc Luật Cấp, Thoát nước hoặc kết hợp với một số lĩnh vực khác như tài nguyên nước, sức khỏe cộng đồng, xây dựng. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc xây dựng Luật sẽ dựa trên nền tảng các quy định, định hướng đã có về lĩnh vực chuyên ngành, nghiên cứu tác động của các chính sách và đặc biệt phải dung hòa được mối quan hệ giữa quản lý nhà nước và hài hòa lợi ích của doanh nghiệp tư nhân và cộng đồng đảm bảo an sinh xã hội và phát triển bền vững.

- Kinh nghiệm về vai trò, mục tiêu xây dựng Luật:

+ *Bảo đảm quyền con người:* Tại Luật của các quốc gia nghiên cứu, nhà nước, Chính phủ phải tạo ra những điều kiện, quy tắc, điều kiện đầu tư thích hợp để cải thiện tình trạng cung cấp nước sạch cho người dân; kiểm soát chống ngập, xả nước thải bảo vệ môi trường. Việc tạo ra hệ thống khung pháp lý để người dân có thể tiếp cận được nguồn nước sạch và vệ sinh là một trong những ưu tiên hàng đầu của mỗi quốc gia.

+ *Đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và bảo vệ môi trường:* Tính liên tục trong cấp nước được các quốc gia đặc biệt coi trọng, đây là một trong những yếu tố cơ bản để đánh giá việc chất lượng nước có bảo đảm an toàn cho người sử dụng. Ví dụ tại Phần Lan, việc ngừng cung cấp nước không được báo trước sẽ được tính như sự cố, tổng thời gian ngừng cấp nước trong năm là cơ sở để người sử dụng có yêu cầu giảm giá nước. Mặt trái của phát triển kinh tế - xã hội đó là ô nhiễm môi trường, các quốc gia ban hành Luật nhằm huy động nguồn lực, đầy đủ về thể chế

cho công cuộc xử lý triệt để nước thải sinh hoạt, sản xuất, trả lại môi trường xanh cho con người và sinh vật trên các dòng sông.

- *Kinh nghiệm về phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Luật*: Đối với cấp nước, các Luật hướng đến quy định về dịch vụ cấp nước (Estonia, Phần Lan, Ai-len, Romania, Thụy Điển); một số quốc gia tập trung vào đối tượng nước phục vụ công cộng (Estonia). Phần lớn các Luật đều có tên gọi chung là Luật về dịch vụ nước, đối tượng của Luật cũng tập trung vào kiểm soát công trình cấp nước, chất lượng dịch vụ, chế tài xử lý vi phạm của hệ thống cấp nước tập trung. Đối với thoát nước (Hàn Quốc, Nhật Bản, Estonia, Colombia...), Luật quản lý lưu vực thoát nước theo lưu vực sông, kiểm soát ngập lụt, kiểm soát chất lượng nước xả thải, quản lý công trình xử lý và chất lượng dịch vụ thoát nước, các chế tài xử lý.

- *Kinh nghiệm về kết cấu của Luật*: Các Luật có kết cấu chủ yếu chia thành các Chương/phần (ngoại trừ Luật của Estonia viết thành 17 Điều và không chia thành các phần); phần mở đầu sẽ là những quy định, nguyên tắc chung, giải thích các thuật ngữ về chuyên ngành sử dụng trong Luật; phần nội dung thường bao gồm các quy định về quản lý vùng cấp nước, lưu vực thoát nước, quản lý vận hành công trình cấp, thoát nước, thẩm quyền của quản lý Nhà nước, giá, phí dịch vụ cấp, thoát nước, tiêu chuẩn chất lượng nước, chất lượng nước xả thải, kinh doanh và giấy phép,... và phần cuối là các vấn đề về xử phạt, thi hành, chuyên tiếp.

- *Kinh nghiệm về nội dung của Luật*: Nội dung Luật Cấp, Thoát nước của các quốc gia chủ yếu quy định về quản lý đầu tư, vận hành và bảo trì công trình cấp, thoát nước, quản lý đầu mối, chất lượng dịch vụ, vai trò, công cụ kiểm soát của Chính phủ. Tùy theo điều kiện kinh tế- chính trị - xã hội của mỗi nước, đa số Chính phủ các quốc gia quản lý cấp, thoát nước bao gồm cả quản lý tài sản hoặc chiếm cổ phần chi phối như Nhật, Hàn Quốc, Úc, Malaysia,...; một số ít các quốc gia giao cho khối tư nhân thực hiện như Anh, Estonia,... và quy định các chính sách để quản lý hoạt động cấp, thoát nước của doanh nghiệp tư nhân gắn với con người và phát triển kinh - tế xã hội. Đa số các quốc gia quy định phát triển cấp nước có tính kết nối vùng trên cơ sở tiếp cận nguồn nước bền vững, phát triển hệ thống cấp nước, vùng cấp nước cho nhiều tỉnh, thành phố, thích ứng với điều kiện nguồn nước ô nhiễm, hạn hán (Phần Lan, Úc, Philippines, Malaysia...). Chính phủ các quốc gia giao cho 01 cơ quan cấp Bộ quản lý (có quốc gia do Chính phủ trực tiếp quản lý và thành lập Ủy ban ngành nước).

Từ yêu cầu thực tế về quản lý phát triển cấp, thoát nước của Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế, việc ban hành Luật mới điều chỉnh về cấp, thoát nước là hết sức cần thiết, nhằm kịp thời thể chế hóa định hướng lãnh đạo của Đảng về bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, ổn định, kiểm soát ô nhiễm từ nước thải và chống ngập úng; làm công cụ pháp lý, quản lý nhà nước có hiệu lực, hiệu quả cao, đồng bộ, thống nhất, nhằm điều chỉnh toàn diện các hoạt động cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải. Luật Cấp, Thoát nước sẽ là công cụ quan trọng nhằm tăng cường nguồn lực ngân sách và xã hội giúp chính quyền các địa phương quản lý, xây dựng, phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước hiệu quả, bền vững phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người, bảo vệ sức khỏe người dân, góp phần phát triển

kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO LUẬT

1. Mục đích ban hành luật

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ làm công cụ quản lý, phát triển cấp nước sạch, thoát nước mưa chống ngập và thu gom, xử lý nước thải từ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư xây dựng đến khai thác vận hành và trách nhiệm quản lý công trình cấp, thoát nước.

- Cung cấp nước sạch ổn định, bảo đảm quyền được tiếp cận nguồn nước sạch của người dân, thu gom và xử lý nước thải đồng bộ với mục đích bảo vệ môi trường, thoát nước mưa chống ngập gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ sức khỏe con người, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế; hướng tới mục tiêu phát triển bền vững (SDGs).

- Hướng tới quản lý phát triển cấp, thoát nước trên nền tảng công nghệ số, thống nhất cơ sở dữ liệu tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về cấp, thoát nước, giảm thiểu nhân lực quản lý, vận hành, chi phí đầu tư của nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa.

- Kết hợp hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng sử dụng nước, hộ thoát nước, của các tổ chức, cá nhân đầu tư, vận hành công trình cấp, thoát nước và Nhà nước. Xây dựng cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực đầu tư và vận hành công trình cấp, thoát nước; hỗ trợ đầu tư công trình cấp, thoát nước nông thôn, các khu vực khó khăn về nguồn nước, dân cư phân tán.

2. Quan điểm xây dựng dự án, dự thảo Luật

- Xây dựng Luật đề thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, kiểm soát quá trình đầu tư phát triển cấp, thoát nước theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

- Các quy định của Luật phải bảo đảm đồng bộ với các pháp luật liên quan, huy động các nguồn lực xã hội, sự tham gia của người dân; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước; kiểm soát hoạt động cấp nước theo hướng sản xuất kinh doanh có điều kiện, thoát nước và xử lý nước thải theo hướng dịch vụ công ích.

- Giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tế, khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính, thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn; thoát nước chống ngập, thu gom và xử lý nước thải theo phân bố dân cư, lưu vực sông, bảo vệ môi trường nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo đảm an sinh xã hội.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và đầu tư phát triển công trình cấp, thoát nước theo hướng thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát thải thấp, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Kế thừa, phát triển những quy định từ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP (luật hóa); quy định các nội dung về cấp, thoát nước còn thiếu, khoảng trống trong các Luật hiện hành; bổ sung các quy định đáp ứng yêu cầu, nội dung quản lý cấp, thoát nước trong Dự thảo Luật.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật Cấp, Thoát nước quy định về cơ sở dữ liệu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước, thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải; quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn công trình và cung cấp dịch vụ cấp, thoát nước; quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động cấp, thoát nước.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc liên quan đến hoạt động cấp, thoát nước: sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; thoát nước mưa, thoát nước thải, thu gom và xử lý nước thải trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO LUẬT

Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước được Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, có sự tham gia của các địa phương trong cả nước đề xuất, được Bộ Tư pháp thẩm định, Chính phủ đồng ý trình Quốc hội và được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7 theo Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Chính phủ đã giao Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo dự án Luật Cấp, Thoát nước tại Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025. Bộ Xây dựng đã thực hiện xây dựng dự án Luật theo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật.
2. Ban hành Kế hoạch xây dựng dự án Luật.
3. Xây dựng hồ sơ dự án Luật.
4. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học với sự tham gia của các cơ quan tổ chức có liên quan, Hội Cấp Thoát nước Việt Nam, các cán bộ quản lý và các nhà khoa học về nội dung của dự án Luật; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình xây dựng dự án Luật; tiếp thu ý kiến của chuyên gia, các tổ chức, cá nhân góp ý về dự thảo Luật.
5. Đăng tải Dự thảo Luật Cấp, Thoát nước và Tờ trình trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Xây dựng để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá

nhân; gửi xin ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, Bộ, ban, ngành và địa phương về dự án Luật (tháng 9/2024).

6. Tiếp thu các ý kiến tham gia, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật, gửi Bộ Tư pháp thẩm định (dự kiến tháng 11/2024).

7. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật (dự kiến tháng 11-12/2024).

8. Trình Chính phủ hồ sơ dự án Luật (dự kiến tháng 01/2025).

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật Cấp, Thoát nước gồm **08** Chương, bao gồm **75** Điều, bố cục như sau:

(1) Chương I: Những quy định chung (gồm 17 Điều, từ Điều 1 đến Điều 17).

(2) Chương II: Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển cấp, thoát nước (gồm 12 Điều, từ Điều 18 đến Điều 29):

- Mục 1. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước, 04 Điều.

- Mục 2. Chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển cấp, thoát nước, 08 Điều.

(3) Chương III: Đầu tư phát triển hệ thống cấp, thoát nước (gồm 06 Điều, từ Điều 30 đến Điều 35):

- Mục 1. Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, 03 Điều.

- Mục 2. Đầu tư phát triển hệ thống thoát nước, 03 Điều.

(4) Chương IV: Quản lý vận hành hệ thống cấp, thoát nước (gồm 15 Điều, từ Điều 36 đến Điều 50):

- Mục 1. Quản lý vận hành hệ thống cấp nước, 06 Điều.

- Mục 2. Quản lý vận hành hệ thống thoát nước, 09 Điều.

(5) Chương V: Dịch vụ cấp, thoát nước (gồm 08 Điều, từ Điều 51 đến Điều 58):

- Mục 1. Dịch vụ cấp nước, 05 Điều.

- Mục 2. Dịch vụ thoát nước, 05 Điều.

(6) Chương VI: Giá nước sạch và giá dịch vụ thoát nước (gồm 10 Điều, từ Điều 59 đến Điều 68):

- Mục 1. Giá nước sạch, 05 Điều.

- Mục 2. Giá dịch vụ thoát nước, 05 Điều.

(7) Chương VII: Trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp, thoát nước (gồm 04 Điều, từ Điều 69 đến Điều 72).

(8) Chương VIII: Điều khoản thi hành (gồm 03 Điều, từ Điều 73 đến Điều 75).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

2.1. Những quy định chung (Chương I)

Chương này bao gồm quy định về: Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Giải thích từ ngữ (Điều 2); Nguyên tắc quản lý hoạt động cấp, thoát nước (Điều 3); Chính sách phát triển cấp, thoát nước (Điều 4); Sử dụng đất cho công trình cấp, thoát nước (Điều 5); Nguồn nước cho hệ thống cấp nước (Điều 6); Nguyên tắc kết hợp các công trình hạ tầng kỹ thuật với công trình cấp, thoát nước (Điều 7); Cấp nước phòng cháy, chữa cháy (Điều 8); Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về cấp, thoát nước (Điều 9); Phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động cấp, thoát nước (Điều 10); Quản lý hoạt động cấp, thoát nước thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường (Điều 11); Quản lý hoạt động cấp, thoát nước theo mô hình kinh tế tuần hoàn (Điều 12); Hợp tác quốc tế trong hoạt động cấp, thoát nước (Điều 13); Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về pháp luật cấp, thoát nước (Điều 14); Sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động cấp, thoát nước (Điều 15); Bảo vệ công trình cấp, thoát nước (Điều 16); Các hành vi bị cấm (Điều 17).

2.2. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển cấp, thoát nước (Chương II)

Chương này quy định những nội dung: Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước (Điều 18); Hoạt động điều tra cơ bản về cấp, thoát nước (Điều 19); Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản (Điều 20); Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước (Điều 21); Chiến lược phát triển cấp, thoát nước (Điều 22); Quản lý quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn (Điều 23); Quản lý quy hoạch thoát nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn (Điều 24); Kế hoạch phát triển cấp, thoát nước cấp tỉnh (Điều 25); Vùng cấp nước (Điều 26); Vùng phục vụ cấp nước (Điều 27); Lưu vực thoát nước mưa (Điều 28); Vùng thoát nước thải (Điều 29), quy định về:

- Cơ sở dữ liệu và điều tra cơ bản về cấp, thoát nước theo hướng quy định các hoạt động thuộc đối tượng điều tra để thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp, thoát nước; Yêu cầu các tổ chức, cá nhân đồng bộ cơ sở dữ liệu, cập nhật kết quả thực hiện vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trên Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước để kết nối, giám sát, quản lý vận hành dịch vụ cấp, thoát nước (Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21).

- Chiến lược phát triển cấp, thoát nước đưa ra chương trình, định hướng phát triển, nhiệm vụ và giải pháp tổng thể về đầu tư, tổ chức quản lý công trình cấp, thoát nước phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh (Điều 22).

- Nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và nội dung quy hoạch thoát nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh bảo đảm tính liên kết vùng giữa cấp nước đô thị, nông thôn và thoát nước đô thị, khu dân cư với thoát nước thủy lợi, lưu vực sông (Điều 23, Điều 24).

- Kế hoạch phát triển cấp, thoát nước cấp tỉnh nhằm cụ thể hóa chiến lược

phát triển cấp, thoát nước, các nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và bảo đảm tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển cấp, thoát nước; đồng thời làm rõ nội dung quy hoạch cấp, thoát nước khi nội dung quy hoạch tỉnh chưa quy định cụ thể (Điều 25).

- Vùng cấp nước được xác định trong quy hoạch cấp nước có phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch cấp vùng, cấp tỉnh, cấp huyện hoặc tương đương. Việc phân vùng cấp nước trong quy hoạch cấp nước hướng tới phát triển hệ thống cấp nước quy mô lớn, truyền dẫn đi xa, hướng tới hình thành các nhà máy nước quy mô lớn, vùng cấp nước rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo đảm cấp nước an toàn; Vùng phục vụ cấp nước được xác định phù hợp với nhu cầu cấp nước, năng lực quản lý, tài chính của đơn vị cấp nước, mỗi vùng phục vụ cấp nước chỉ do một đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ cấp nước (Điều 26, Điều 27).

- Lưu vực thoát nước mưa kết nối với tiêu thoát nước thủy lợi và lưu vực sông; được xác định trong nội dung quy hoạch thoát nước có phạm vi nghiên cứu cấp vùng, cấp tỉnh, cấp huyện hoặc tương đương; Vùng thoát nước thải xác định vùng thoát nước thải dựa theo phân bố dân cư, điều kiện địa hình, thủy vực, hiệu quả truyền dẫn nước thải (Điều 28, Điều 29).

2.3. Đầu tư phát triển hệ thống cấp, thoát nước (Chương III)

Chương này quy định những nội dung: Quản lý đầu tư phát triển hệ thống cấp nước (Điều 30); Dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước (Điều 31); Nguồn lực đầu tư xây dựng công trình cấp nước (Điều 32); Quản lý đầu tư, phát triển hệ thống thoát nước (Điều 33); Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước (Điều 34); Nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước (Điều 35), quy định về:

Quản lý đầu tư, phát triển hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước; Nguyên tắc và yêu cầu đầu tư xây dựng công trình cấp, thoát nước. Quy định về đại diện chủ sở hữu, chủ đầu tư hệ thống thoát nước; các loại dự án thoát nước (dự án thoát nước chống ngập các đô thị, dự án thoát nước và xử lý nước thải); Tính đồng bộ đầu tư từ đầu nối đến thu gom đến xử lý nước thải. Huy động tối đa các nguồn lực và có cơ chế khuyến khích tư nhân đầu tư phát triển hệ thống cấp, thoát nước (từ Điều 30 đến Điều 35).

2.4. Quản lý vận hành hệ thống cấp, thoát nước (Chương IV)

Chương này quy định những nội dung: Nguyên tắc quản lý vận hành hệ thống cấp nước (Điều 36); Yêu cầu quản lý vận hành hệ thống cấp nước (Điều 37); Kế hoạch phát triển cấp nước theo vùng phục vụ cấp nước (Điều 38); Quản lý vận hành công trình cấp nước quy mô vùng liên tỉnh (Điều 39); Quản lý sử dụng tài sản công trình cấp nước (Điều 40); Bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước (Điều 41); Nguyên tắc quản lý vận hành hệ thống thoát nước (Điều 42); Yêu cầu quản lý vận hành hệ thống thoát nước (Điều 43); Quy trình vận hành hệ thống thoát nước (Điều 44); Quản lý thoát nước gắn với quản lý cao độ nền (Điều 45); Quản lý hồ điều hòa (Điều 46); Quản lý bùn cặn (Điều 47); Sử dụng nước mưa, tái sử dụng nước thải sau xử lý (Điều 48); Quản lý sử dụng tài sản hệ thống thoát nước (Điều 49); Quản lý thoát nước an toàn (Điều 50), quy định về:

- Nguyên tắc và yêu cầu quản lý vận hành hệ thống cấp nước, thoát nước, yêu cầu năng lực quản lý vận hành hệ thống cấp, thoát nước (Điều 36, Điều 37, Điều 42, Điều 43).

- Quản lý sử dụng tài sản công trình cấp, thoát nước do Nhà nước đầu tư phải được quản lý, khai thác, bảo trì được thông kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị (Điều 40, Điều 49).

- Quy trình vận hành hệ thống thoát nước; Quản lý thoát nước gắn với quản lý cao độ nền; Quản lý hồ điều hòa; Quản lý bùn cặn hệ thống thoát nước; Sử dụng nước mưa, tái sử dụng nước thải sau xử lý (Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48).

- Quản lý bảo đảm cấp nước an toàn, quản lý thoát nước an toàn nhằm kiểm soát các nguy cơ, rủi ro liên quan đến hoạt động cấp, thoát nước (Điều 41, Điều 49).

2.5. Dịch vụ cấp, thoát nước (Chương V)

Chương này quy định những nội dung: Chất lượng dịch vụ cấp nước (Điều 51); Điều kiện kinh doanh nước sạch (Điều 52); Quản lý hợp đồng cấp nước (Điều 53); Quản lý đầu nối cấp nước (Điều 54); Quyền và trách nhiệm của đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước sạch (Điều 55); Quản lý hợp đồng thoát nước (Điều 56); Quản lý đầu nối mạng lưới thoát nước (Điều 57); Quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước và hộ thoát nước (Điều 58), quy định về:

- Quản lý chất lượng dịch vụ cấp nước bảo đảm chất lượng nước sạch, lưu lượng nước, áp lực nước, tính ổn định và liên tục trong hoạt động cấp nước; việc thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn; sự hài lòng của khách hàng sử dụng nước (Điều 51).

- Tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, cung cấp nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung nhằm mục đích kinh doanh bán buôn, bán lẻ nước sạch phải được cấp Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh nước sạch (Điều 52).

- Quản lý hợp đồng cấp nước: Hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước, hợp đồng dịch vụ cấp nước bán buôn, hợp đồng dịch vụ cấp nước, hợp đồng thuê quản lý vận hành công trình cấp nước (Điều 53); Quản lý hợp đồng thoát nước: Hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước, Hợp đồng dịch vụ thoát nước, Hợp đồng PPP về thoát nước và xử lý nước thải (Điều 56).

- Quản lý đầu nối cấp nước: Thiết lập các điểm đầu nối vào mạng lưới cấp nước cho mỗi khách hàng sử dụng nước và tổ chức đầu nối đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống cấp nước (Điều 54); Quản lý đầu nối mạng lưới thoát nước: Các hộ thoát nước nằm trong phạm vi hệ thống thoát nước là đối tượng phải đầu nối vào mạng lưới thoát nước nhằm nâng cao công suất của nhà máy xử lý nước thải, đơn vị thoát nước phải xác định điểm đầu nối cho hộ thoát nước (Điều 57).

- Quyền và trách nhiệm của đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước sạch, của đơn vị thoát nước và hộ thoát nước (Điều 55, Điều 58).

2.6. Giá nước sạch và giá dịch vụ thoát nước (Chương VI)

Chương này quy định những nội dung: Nguyên tắc định giá nước sạch (Điều 59); Căn cứ định giá nước sạch (Điều 60); Phương pháp định giá nước sạch (Điều 61); Điều chỉnh giá nước sạch (Điều 62); Thẩm quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (Điều 63); Nguyên tắc, căn cứ và phương pháp định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (Điều 64); Phương pháp định giá dịch vụ thoát nước (Điều 65); Điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước (Điều 66); Thẩm quyền quyết định giá, điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước (Điều 67); Quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước (Điều 68), quy định về:

- Giá nước sạch được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý trong quá trình sản xuất, kinh doanh nước sạch và tổ chức thẩm định, ban hành giá nước sạch và lộ trình điều chỉnh giá nước sạch (Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 63).

- Giá dịch vụ thoát nước được xác định trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý trong hoạt động quản lý vận hành, bảo trì mạng lưới thoát nước và toàn bộ chi phí xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tổ chức lập, thẩm định, ban hành, điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước (Điều 64, Điều 65, Điều 66, Điều 67).

- Quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước: Phương thức thu tiền giá dịch vụ thoát nước và ưu tiên sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước cho các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải (Điều 68).

2.7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp, thoát nước (Chương VII)

Chương này quy định những nội dung: Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ (Điều 69); Trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp, thoát nước của Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 70); Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động cấp, thoát nước (Điều 71); Thanh tra, kiểm tra về cấp, thoát nước (Điều 72), quy định về:

- Trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp, thoát nước: Bộ Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng cơ sở dữ liệu, chiến lược, quy hoạch, đầu tư, phát triển cấp nước, thoát nước; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý đầu tư xây dựng, vận hành công trình cấp nước phân tán, hỗ trợ mô hình cấp nước quy mô hộ gia đình gắn với phát triển nông nghiệp nông thôn và công trình thủy lợi; Bộ Y tế chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng, ban hành quy chuẩn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (Điều 69, Điều 70).

- Trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp, thoát nước của Ủy ban nhân dân các cấp và quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động cấp, thoát nước (Điều 70, Điều 71).

- Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm quy định quản lý hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải (Điều 72).

2.8. Điều khoản thi hành (Chương VIII)

Chương này quy định những nội dung: Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến cấp, thoát nước (Điều 73); Quy định chuyển tiếp (Điều 74); Hiệu lực thi hành (Điều 75).

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Luật

1.1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trên phạm vi cả nước.

1.2. Chính phủ giao một Bộ là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý Nhà nước về cấp, thoát nước.

1.3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ Xây dựng trong công tác quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

1.4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trong phạm vi của địa phương mình.

1.5. Các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định pháp luật.

2. Dự kiến nguồn lực

2.1. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí tổ chức thực hiện gồm:

- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật (Nghị định, Thông tư, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan): Thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Kinh phí tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải: thực hiện theo quy định hiện hành.

- Kinh phí tổ chức triển khai thi hành Luật: Thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

b) Dự kiến nguồn kinh phí để thi hành Luật như sau:

- Từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

- Từ nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia theo chính sách về xã hội hóa nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật (nếu có).

2.2. Nguồn nhân lực

Hiện nay, nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân theo phân cấp đã có sẽ tiếp tục quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; đồng thời cũng cần tăng cường bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến, giáo dục pháp luật để đảm bảo

tổ chức thực hiện Luật theo đúng chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

3. Các điều kiện đảm bảo thi hành Luật

3.1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

a) Các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật gồm:

- Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật: Dự kiến 02 Nghị định (Nghị định về cấp nước sạch và Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải); được chuẩn bị ngay trong quá trình xây dựng Luật; ban hành ngay sau khi ban hành Luật và có hiệu lực thi hành đồng thời với Luật.

- Các Thông tư của các Bộ, ngành theo phân công của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật và Nghị định: Nội dung cụ thể sẽ được xác định trong quá trình xây dựng Nghị định.

b) Sau khi Luật Cấp, Thoát nước được Quốc hội thông qua, ban hành, Chính phủ sẽ giao các Bộ liên quan theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương xây dựng để ban hành các văn bản quy định chi tiết theo thẩm quyền và triển khai thi hành Luật đầy đủ, đúng tiến độ theo quy định.

3.2. Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật

a) Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải theo quy định:

- Cơ quan thông tin, truyền thông thực hiện tuyên truyền, phổ biến theo quy định pháp luật hiện hành.

- Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn cho cán bộ, công chức phụ trách công tác quản lý cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, triển khai thực hiện thi hành Luật ở các cấp.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải theo nhiều hình thức.

3.3. Ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện Luật

Các Bộ ngành, cơ quan liên quan ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện Luật theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, đảm bảo thể chế hóa định hướng của Đảng, chính sách của Nhà nước, đảm bảo kịp thời, hiệu lực, hiệu quả, khả thi, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

3.4. Ban hành và tổ chức thực hiện theo kế hoạch

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện với nhiều hình thức phong phú, phù hợp với từng đối tượng: cơ quan quản lý nhà nước; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Phân công, phối hợp triển khai thực hiện Luật.

3.5. Tiếp nhận, phản hồi các đối tượng chịu sự tác động của Luật

Tiếp nhận, phản hồi các đối tượng chịu sự tác động của Luật, kịp thời hướng dẫn, giải đáp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật Cấp, Thoát nước.

3.6. Kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

4. Về tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng Luật với các cam kết, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Nội dung dự thảo Luật đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các quy định tại Luật Cấp, Thoát nước hướng tới đảm bảo lợi ích công cộng, không trái với các cam kết, điều ước quốc tế hiện nay. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì sẽ áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Việc xây dựng và ban hành Luật Cấp, Thoát nước sẽ thúc đẩy Việt Nam hiện thực hóa các mục tiêu cụ thể có liên quan đến cấp, thoát nước được đề cập tại mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững và có cơ sở phát triển bền vững, tiến tới chất lượng dịch vụ cao, công nghệ hiện đại phù hợp với xu thế phát triển, hội nhập quốc tế.

5. Đánh giá lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong án Luật

Báo cáo đánh giá lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật gửi kèm theo hồ sơ, theo đó các nội dung trong dự thảo Luật được kế thừa, phát triển, hoàn thiện từ quy định pháp luật hiện hành, không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới. Luật Cấp, Thoát nước sẽ bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục, chất lượng đạt quy định; đảm bảo khả năng tiếp cận với nguồn nước sạch của người dân và thực hiện chống ngập, xử lý nước thải tạo được môi trường sống trong sạch cho người dân; trong đó, phụ nữ và trẻ em sẽ là đối tượng được hưởng lợi trực tiếp liên quan đến sức khỏe, mức sống và điều kiện sống.

6. Đánh giá tác động về thủ tục hành chính

Trên nền tảng quản lý, phát triển bền vững nhằm huy động sự tham gia của các nguồn lực xã hội; đơn giản, giảm thiểu thủ tục hành chính. Các thủ tục hành chính tại Luật Cấp, Thoát nước quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng bảo đảm tính hợp pháp, tính hợp lý, tuân thủ quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá tác động của thủ tục hành chính.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

1. Quy định điều tra cơ bản và xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về cấp, thoát nước

Quy định xây dựng Công thông tin điện tử về cấp, thoát nước nhằm giám sát trực tuyến hoạt động cung cấp nước sạch và xử lý nước thải; kết hợp lưu trữ, chia sẻ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước (Điều 18-21).

Quy định hoạt động điều tra cơ bản về cấp, thoát nước định kỳ 05 năm; nội

dung điều tra; trách nhiệm cơ quan, tổ chức, cá nhân. Kết hợp với điều tra cơ bản, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về cấp, thoát nước được cập nhật hàng năm thông qua báo cáo, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử về cấp, thoát nước.

2. Bổ sung nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn

Phương án 01 (Phương án chọn): Dự thảo Luật quy định cụ thể nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch tỉnh (áp dụng cho 58 tỉnh trừ 5 thành phố trực thuộc trung ương đã có quy hoạch chuyên ngành cấp, thoát nước) đảm bảo tính liên kết vùng giữa cấp nước đô thị và nông thôn; giữa thoát nước đô thị, khu dân cư với thoát nước thủy lợi, lưu vực sông (Điều 23, 24), thúc đẩy triển khai các dự án cấp, thoát nước mang tính vùng và liên vùng. Nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch tỉnh được điều chỉnh cục bộ đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và ứng phó tình trạng ngập úng, thu gom, xử lý nước thải.

Phương án 02: Đề bảo đảm quản lý, phát triển cấp, thoát nước theo vùng; đề xuất lập quy hoạch chuyên ngành cấp, thoát nước quy mô tỉnh cho 58 tỉnh (ngoài 05 thành phố trực thuộc trung ương đã có quy hoạch chuyên ngành theo Luật Quy hoạch đô thị).

Quản lý, tổ chức thực hiện nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh nhằm phù hợp với thực tế. Xác định nguồn nước; nhà máy nước và vùng cấp nước quy mô vùng liên tỉnh; nhà máy nước quy mô lớn cấp tỉnh; mạng đường ống truyền tải nước sạch quy mô vùng và các khu vực cấp nước, kết nối cấp nước đô thị và nông thôn. Quy định thoát nước phòng, chống ngập úng (hạn chế san lấp hồ, ao, giải pháp tích trữ hồ điều hòa, tiêu thoát nước mưa với tiêu thoát nước thủy lợi) khi lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị mới tại các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp,....các giải pháp tăng khả năng tiêu thoát nước, giảm thiểu ngập úng.

3. Quy định giá nước sạch và giá dịch vụ thoát nước

Luật Giá có những nội dung áp dụng được cho lĩnh vực cấp, thoát nước còn có nhiều nội dung không áp dụng được do tính khác biệt của sản phẩm nước sạch, thoát nước, nước thải so với hàng hóa, dịch vụ thông thường khác và có những nội dung chưa có quy định phù hợp với tính đặc thù của lĩnh vực cấp, thoát nước đó là:

Về giá nước sạch: Giá nước sạch phải góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước trong mọi tình huống; Nước sạch không được mua bán bình thường ở các chợ, cửa hàng, trung tâm thương mại; không thể di chuyển từ địa phương này sang địa phương khác một cách dễ dàng; do đó giá nước sạch phải phù hợp với điều kiện từng địa phương; Các loại chi phí đặc thù của ngành nước mà Luật Giá và các văn bản hướng dẫn Luật Giá chưa đề cập như: Chi phí cấp nước an toàn, chi phí duy trì đầu nối, chi phí cấp quyền khai thác,...

Về giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải: Giá dịch vụ thoát nước không chỉ bù đắp chi phí, có lợi nhuận mà còn phải tính theo hàm lượng chất gây ô nhiễm

trong nước thải; Dịch vụ thoát nước không có thị trường như các hàng hóa thông thường, không thể di chuyển từ nơi này sang nơi khác. Mỗi một hệ thống thoát nước chỉ có vùng bao phủ, vùng phục vụ cụ thể, do đó yêu cầu cần đặt ra về giá phải phù hợp với vùng, khu vực mà nó phục vụ; Hệ thống thoát nước bao gồm hệ thống thoát nước chung, hệ thống thoát nước riêng, và chế độ quản lý của mỗi hệ thống khác nhau, đòi hỏi phải có giá phù hợp với từng hệ thống, từng vùng phục vụ và hàm lượng chất gây ô nhiễm của đối tượng xả thải,...

Luật Giá quy định về giá đối với các hàng hóa, dịch vụ nói chung trong nền kinh tế, để bảo đảm các quy định về giá nước sạch, giá dịch vụ thoát nước phải phù hợp với những điều kiện đặc thù về sản xuất kinh doanh, quản lý của ngành cấp, thoát nước, cần có nội dung về cơ chế quản lý, điều tiết giá nước sạch, giá dịch vụ thoát nước được xây dựng trong Luật Cấp, Thoát nước.

4. Phân bổ nguồn vốn cho hoạt động cấp, thoát nước

Lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải là dịch vụ công ích nhưng chính quyền các cấp hầu như chưa quan tâm phân bổ kinh phí đầu tư mà chủ yếu từ nguồn vốn ODA hoặc ngân sách không đủ cho bảo trì công trình thoát nước, xử lý nước thải. Ngân sách nhà nước phân bổ cho lĩnh vực thoát nước và bảo vệ môi trường chiếm tỷ lệ nhỏ so với phân bổ ngân sách cho năng lượng, giao thông, viễn thông,... Lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải có yêu cầu về chi phí đầu tư rất lớn so với cấp nước trong khi được phân bổ ngân sách thấp hơn rất nhiều, chưa đảm bảo cơ chế thu hút được nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân. Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 đưa ra các yêu cầu lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và kế hoạch tài chính 05 năm tuy nhiên không có quy định về việc ưu tiên phân bổ nguồn vốn để thực hiện các khoản thanh toán của Nhà nước cho nhà đầu tư tư nhân. Theo đó, đề xuất quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước ưu tiên cho các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về cấp, thoát nước

Trong giai đoạn lập Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cấp, Thoát nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thống nhất Bộ Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về cấp nước. Dự thảo Luật Cấp, Thoát nước quy định Bộ Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng cơ sở dữ liệu, chiến lược, quy hoạch, đầu tư, phát triển cấp nước, thoát nước; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý đầu tư xây dựng, vận hành công trình cấp nước phân tán, cấp nước quy mô hộ gia đình gắn với phát triển nông nghiệp nông thôn và công trình thủy lợi; Phân công Bộ quản lý chuyên ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp, thoát nước (Điều 69 - 71).

VIII. HỒ SƠ TRÌNH DỰ ÁN, DỰ THẢO LUẬT CẤP, THOÁT NƯỚC

Hồ sơ trình gồm có:

- (1) Tờ trình Chính phủ về dự án, dự thảo Luật Cấp, Thoát nước;

- (2) Dự thảo Luật Cấp, Thoát nước;
- (3) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định;
- (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo Luật Cấp, Thoát nước;
- (5) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới;
- (6) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý;
- (7) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án, dự thảo Luật Cấp, Thoát nước;
- (8) Báo cáo kinh nghiệm quốc tế;
- (9) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số Điều của Luật Cấp, Thoát nước.

Trên đây là Tờ trình về dự án, dự thảo Luật Cấp, Thoát nước, Bộ Xây dựng xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục HTKT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Nghị